



Review Article

# The Substantivization of Vietnamese Adjectives in Noun Phrase Structures

Nguyen Thi Thanh Ngoc\*

*Hanoi University, Km 9, Nguyen Trai, Nam Tu Liem, Hanoi, Vietnam*

Received 17 October 2023

Revised 25 May 2024; Accepted 31 May 2024

**Abstract:** This paper focuses on substantivized adjectives which are formed by conversion process in the Vietnamese language. Substantivized adjectives are words which can be used as nouns and take some features of nouns. A Vietnamese adjective can be substantivized when it is used as a head word and has ability to combine with pre-modifiers and/or post-modifiers in a noun phrase structure. This paper investigates and explains structural features of Vietnamese substantivized adjectives through literary works.

*Keywords:* Substantivized adjectives, noun phrase structure, head word, modifiers.

---

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [thanhngocnt@hanu.edu.vn](mailto:thanhngocnt@hanu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4861>

# Hiện tượng danh hóa tính từ trong cấu trúc danh ngữ tiếng Việt

Nguyễn Thị Thanh Ngọc\*

*Trường Đại học Hà Nội, Km 9, Nguyễn Trãi, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 17 tháng 10 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 5 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 31 tháng 5 năm 2024

**Tóm tắt:** Bài viết tìm hiểu một trong những hiện tượng chuyên loại của từ tiếng Việt là hiện tượng tính từ được danh hóa. Tính từ được danh hóa là tính từ được sử dụng như danh từ, mang những đặc điểm của danh từ. Một tính từ được danh hóa khi nó đóng vai trò là thành tố chính và có khả năng kết hợp với những từ thuộc vị trí của thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ. Bài viết trình bày những đặc điểm cơ bản của hiện tượng danh hóa tính từ xét về mặt cấu trúc qua khảo sát các tác phẩm văn học.

**Từ khóa:** Tính từ được danh hóa, cấu trúc danh ngữ, từ trung tâm, các từ thuộc vị trí thành tố phụ.

## 1. Mở đầu

Nghiên cứu từ loại tiếng Việt là một trong những nội dung quan trọng được nhiều nhà nghiên cứu ngữ pháp quan tâm. “Các nhà Việt ngữ học thường dựa vào ba tiêu chuẩn sau đây để phân kho từ vựng thành các từ loại, tiểu loại: Ý nghĩa khái quát; Khả năng kết hợp; Chức năng cú pháp” [1]. “Đó là dấu hiệu nội dung và dấu hiệu hình thức. Dấu hiệu nội dung là mặt ý nghĩa của từ. Dấu hiệu hình thức thể hiện bản chất ngữ pháp của các từ loại tiếng Việt được thể hiện thông qua khả năng kết hợp của từ trong ngữ lưu và thông qua chức vụ cú pháp mà từ đảm nhận trong câu” [2]. Vị trí của từ trong ngữ lưu, trong cấu trúc ngữ đoạn (ngữ cảnh) là một trong những cơ sở để nhà nghiên cứu xác định từ loại của từ. Khi tách từ ra khỏi ngữ cảnh thì việc xác định từ loại của từ khó có thể đi đến một kết luận chính xác.

Việc xác định từ loại của từ gắn với ngữ cảnh cần lưu ý đến hiện tượng chuyên loại từ. Chuyên loại từ là hiện tượng phổ biến ở mọi ngôn ngữ, trong đó có tiếng Việt. Đây là hiện tượng một từ có thể được sử dụng với nhiều tư

cách từ loại khác nhau, khi từ tham gia vào các ngữ cảnh khác nhau. Từ “**những** I d. (dùng phụ trước d.). Từ dùng để chỉ một số lượng nhiều, không xác định. *Bầu trời chỉ chút những vì sao. Những trang giấy dày đặc những con số.* II tr. **1.** (dùng trước d. số lượng). Từ biểu thị ý nhấn mạnh số lượng quá nhiều. *Ấn những sáu bát com. Anh ấy hơn tôi những mười lăm tuổi.* **2.** (kng.: thường dùng phối hợp với là, cùng). Từ biểu thị ý nhấn mạnh số lượng nhiều như không kể xiết. *Đường đi, những dốc là dốc. Trong chuồng, những gà là gà.* **3.** (dùng trước đg.). Từ biểu thị ý nhấn mạnh tính chất của một tâm lí, tình cảm tựa như xâm chiếm hết cả tâm hồn. *Đêm không ngủ được vì những nhớ những thương. Những mong cho con khôn lớn*” [3].

“Trong tiếng Việt, rất nhiều trường hợp chúng ta lại còn gặp hiện tượng dùng những tiếng như *người, anh, cái, cuốn,...* trước một động từ, tính từ để tạo thành một tổ hợp có thể dùng để chỉ sự vật, và để thay thế danh từ, ví dụ: *người mua, người bán, anh đưa thư, bức vẽ, bài hát, câu ca; cái đẹp, cái tốt, nỗi buồn, sự lãnh đạo, điều bán khoán, trận đánh,...*” [4].

Danh hóa tính từ là hiện tượng được sử dụng phổ biến trong hoạt động ngôn ngữ. Để làm rõ đặc điểm của cấu trúc danh ngữ có tính từ là trung tâm, làm rõ mức độ phổ biến và loại biệt về khả năng kết hợp giữa vị trí trung tâm

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: thanhngocnt@hanu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4861>

với các thành tố phụ, chúng tôi khảo sát cấu trúc danh ngữ có trung tâm là tính từ được danh hóa trong các tác phẩm văn học.

### 1.1. Tổng quan nghiên cứu

Những nghiên cứu về từ loại và vị trí của từ loại trong hệ thống ngữ pháp được các nhà nghiên cứu Việt ngữ quan tâm từ sớm và có nhiều công trình nghiên cứu về nội dung này.

“Do ảnh hưởng của truyền thống ngôn ngữ học châu Âu cho nên những công trình nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt thời cận đại (cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX) rất chú trọng việc phân định và miêu tả các từ loại và phân nghiên cứu các từ loại lần đầu tiên phần miêu tả cú pháp. Từ *Ngữ pháp tiếng Việt* (Grammaire de la langue annamite) của Trương Vĩnh Ký đến *Việt Nam văn phạm* của Trần Trọng Kim đều trong tình trạng như vậy” [1].

Đến giai đoạn hiện đại, “vị thế của vấn đề từ loại trong hệ thống ngữ pháp dần dần có sự thay đổi” [1]. Xuất phát từ lý thuyết “cú bản vị” của Lê Cẩm Hy, Phan Khôi “đã lấy câu làm gốc để phân định từ loại tiếng Việt” [1] và “khuyến hướng này thể hiện rõ hơn ở Cao Xuân Hạo và các cộng sự của ông” [1].

Các nghiên cứu trong cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt* do Trường Đại học Tổng hợp Leningrad xuất bản và *Ngữ pháp tiếng Việt* của Nguyễn Tài Căn đều “coi từ loại như một vấn đề độc lập” [1].

Để phân định từ loại, các nhà nghiên cứu Việt ngữ học hiện nay thường dựa vào 3 tiêu chí: Ý nghĩa khái quát; Khả năng kết hợp trong ngữ lưu và Chức năng cú pháp. Các tác giả có xu hướng kết hợp cả ba tiêu chí này là Nguyễn Kim Thân, Đinh Văn Đức. Và “có lẽ, cho đến nay, cách phân định từ loại của Nguyễn Tài Căn vẫn là cách phân loại có giá trị nhất. Ông đã dựa vào đoạn ngữ để phân định từ loại, tiểu loại” [1]. Việc Nguyễn Tài Căn dựa vào đoạn ngữ để phân định từ loại “đã phản ánh được cả hai tiêu chuẩn “khả năng kết hợp” và “chức năng cú pháp” mà các tác giả khác đã vận dụng một cách riêng rẽ” [1].

Mặc dù các tác giả cùng sử dụng những tiêu chí trên để phân chia từ loại nhưng “Do phương pháp phân loại khác nhau và cách đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ cụ thể còn khác nhau, nên

kết quả phân chia từ loại tiếng Việt ở mỗi tác giả còn nhiều bất đồng với các tác giả khác” [5]. “Nguyễn Kim Thân chia kho từ vựng thành hai mảng: ngữ thái từ và phi ngữ thái từ” [1]. Nguyễn Minh Thuyết trong cuốn *Dẫn luận ngôn ngữ học* “chia các từ trong mỗi ngôn ngữ ra thành ba mảng lớn là thực từ, hư từ và thán từ hoặc thành hai mảng lớn là thực từ và hư từ - mảng sau này sẽ bao gồm cả thán từ” [6]. Quan điểm của Nguyễn Văn Hiệp trong cuốn *Dẫn luận ngôn ngữ học* cũng thống nhất phân chia từ loại thành thực từ, hư từ và thán từ. Đồng thời, tác giả khẳng định danh sách các từ loại mà tác giả trình bày “chỉ là những từ loại phổ biến, thường gặp, được đa số người nghiên cứu phân định, và chấp nhận”. Đối với việc nghiên cứu những ngôn ngữ riêng biệt, “rất có thể một số chi tiết của các đặc trưng xác định, phân loại còn phải hiệu chỉnh, bổ sung, một số kết quả phân loại cụ thể cũng sẽ không trùng khớp giữa các ngôn ngữ” [7]. Trong cuốn *Tiếng Việt hiện đại (Từ pháp)*, Nguyễn Văn Thành chia hệ thống từ loại tiếng Việt thành hai nhóm: nhóm các từ đủ nghĩa và nhóm các từ trợ nghĩa ngữ pháp. Đinh Văn Đức, trong cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt (Từ loại)* chia kho từ vựng tiếng Việt thành: thực từ, hư từ và tình thái từ.

Cho đến hiện nay, các nghiên cứu đi trước chủ yếu tập trung vào việc phân chia từ vựng thành từ loại hoặc nghiên cứu về hiện tượng chuyển loại từ nói chung mà chưa đề cập đến những hiện tượng chuyển loại cụ thể. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung tìm hiểu hiện tượng chuyển loại từ (tính từ được danh hóa) xét trong cấu trúc cụ thể (cấu trúc danh ngữ) thông qua khảo sát các tác phẩm văn học. Kết quả nghiên cứu phục vụ cho mục đích nghiên cứu, dạy và học ngôn ngữ.

### 1.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt hiệu quả nghiên cứu, bài viết đã sử dụng các phương pháp, thủ pháp nghiên cứu:

i) Phương pháp nghiên cứu tài liệu: phương pháp được thực hiện trong toàn bộ quá trình nghiên cứu;

ii) Phương pháp miêu tả: phương pháp được tiến hành trong phần lịch sử vấn đề, cơ sở lý thuyết;

iii) Phương pháp phân tích ngữ nghĩa: phương pháp được vận dụng trong phần cơ sở lý thuyết, phân tích cấu trúc danh ngữ trước/sau khảo sát;

iv) Thủ pháp thống kê, phân loại, so sánh: Thủ pháp thống kê được thực hiện trong khảo sát mẫu nghiên cứu, trường hợp tính từ được danh hóa trong các tác phẩm văn học. Các thủ pháp phân loại, so sánh được thực hiện khi phân tích kết quả khảo sát.

**2. Cơ sở lý thuyết**

2.1. Theo Hoàng Văn Hành, chuyển loại được định nghĩa như sau: “Chuyển loại là một phương thức cấu tạo từ, nhờ đó một từ mới thuộc phạm trù từ loại này được tạo ra từ một từ loại khác mà vẫn giữ nguyên vô âm thanh, đồng

- 4	- 3	- 2	- 1
Thành tố phụ			
Tất cả	những	Cái	cuốn
- 4	- 3	- 2	- 1

Thành tố phụ trước của danh ngữ.

- Vị trí -1: vị trí của các yếu tố chỉ ra khái niệm “đơn vị”.

+ Các từ chỉ đơn vị tự nhiên (loại từ): *cuốn, ngôi, vị, đũa, thàng, con,...*

+ Các từ chỉ đơn vị quy ước: *cân, miếng, cốc, cục, lọ, ôm, gói, vác, xâu* (động từ lâm thời chỉ đơn vị),...

- Vị trí -2: vị trí của hư từ “*cái*” với ý nghĩa chỉ xuất sự vật (nhấn mạnh, chỉ đích danh sự vật được diễn đạt bằng danh từ ở trung tâm).

- Vị trí -3: vị trí của các yếu tố chỉ số lượng:

+ Các từ chỉ số đếm: *một, hai, ba, bốn,...*

+ Các từ chỉ số ước lượng: *vài, dăm, mười, vài ba, mười lăm,...*

+ Các từ với ý nghĩa phân phối: *mọi, mỗi, từng,...*

+ Các hư từ chỉ số: *những, các, một,...*

- Vị trí - 4: vị trí của danh từ chỉ khối lượng: *tất cả, cả, tất thấy, toàn bộ, hết thấy,...*

Thành tố phụ sau của danh ngữ.

- Vị trí 1: vị trí của định ngữ (định tố) có chức năng hạn định là các từ thuộc các từ loại khác nhau (động từ, tính từ, số từ, danh từ) và/hoặc các ngữ đoạn.

thời tạo ra ý nghĩa mới có quan hệ nhất định với ý nghĩa của từ xuất phát, và nhận những đặc trưng ngữ pháp mới (thể hiện khả năng kết hợp và chức năng làm thành phần câu) khác với đặc trưng của từ xuất phát” [8].

Chuyển loại từ tính từ thành danh từ là hiện tượng một từ vốn là tính từ nhưng trong hoạt động từ đó được dùng như một danh từ. Dấu hiệu hình thức để nhận diện tính từ được dùng như danh từ căn cứ vào khả năng kết hợp của tính từ với các từ ở vị trí thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ.

2.2. Cấu trúc danh ngữ. Theo Đinh Văn Đức, mô hình ngữ đoạn của cấu trúc danh ngữ gồm ba thành phần: trung tâm, thành tố phụ trước, thành tố phụ sau.

0	1	2
Trung tâm	Thành tố phụ	
Sách	mới	ấy
0	1	2

- Vị trí 2: vị trí do các từ với ý nghĩa chỉ trò, xác định đảm nhận: *này, kia, nó đó, nào,...* [9].

2.3. Phân tích cấu trúc danh ngữ có tính từ được danh hóa. Căn cứ vào cấu trúc danh ngữ được trình bày ở mục 2.2, khi tính từ được chuyển loại thành danh từ, thì tính từ tham gia vào cấu trúc danh ngữ tạo thành một ngữ danh từ. Cấu trúc danh ngữ có tính từ được danh hóa có đặc điểm sau: i) *Trung tâm là một tính từ được danh hóa; ii) Số lượng thành tố phụ từ một trở lên; iii) Thành tố phụ có thể là thành tố phụ trước, thành tố phụ sau và/hoặc cả thành tố phụ trước và thành tố phụ sau.* Trên cơ sở đó, chúng tôi phân loại cấu trúc danh ngữ có tính từ được danh hóa thành những loại sau:

- **Loại 1:** tính từ được danh hóa khi kết hợp với một từ thuộc vị trí của thành tố phụ trước trong cấu trúc danh ngữ. **Loại 1** có những kết hợp sau:

**1a.** Tính từ được danh hóa khi kết hợp với từ thuộc vị trí - 1 (vị trí của các yếu tố chỉ ra khái niệm “đơn vị”) trong cấu trúc danh ngữ. Ví dụ: *vẻ đẹp, nỗi đau khổ, niềm vui,...*

**1b.** Tính từ được danh hóa khi kết hợp với từ thuộc vị trí - 2 (vị trí của hư từ “*cái*” với ý

nghĩa chỉ xuất) trong cấu trúc danh ngữ. Theo tác giả Đinh Văn Đức trong cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt*, danh từ khi kết hợp với hư từ “*cái*”, vị trí -2, “trên nguyên tắc phải có định tố (*này, kia, nó, ấy, đó,...*) ở phần cuối danh ngữ”. Vì thế, **loại 1b** không phải là đối tượng để khảo sát.

**1c.** Tính từ được danh hóa khi kết hợp với từ thuộc vị trí - 3 (vị trí của các yếu tố chỉ số lượng) trong cấu trúc danh ngữ. Kiểu cấu trúc này, không phải trường hợp nào tính từ được danh hóa cũng có khả năng kết hợp với các yếu tố chỉ lượng để tạo thành ngữ danh từ. So sánh:

có thể nói	không thể nói
<i>những đau khổ (+)</i>	<i>một đẹp (-)</i>
<i>mọi đau khổ (+)</i>	<i>hai vui (-)</i>

**1d.** Tính từ được danh hóa kết hợp với từ thuộc vị trí - 4 (vị trí của các danh từ chỉ khối lượng) trong cấu trúc danh ngữ. Kiểu cấu trúc này, không phải trường hợp nào tính từ được danh hóa cũng có khả năng kết hợp với các danh từ chỉ khối lượng để tạo thành ngữ danh từ. So sánh:

có thể nói	không thể nói
<i>tất cả đau khổ (+)</i>	<i>tất cả đẹp (-)</i>

- **Loại 2:** tính từ được danh hóa khi kết hợp với một từ/ngữ thuộc vị trí của thành tố phụ sau trong cấu trúc danh ngữ. **Loại 2** có những kết hợp sau:

**2a.** Tính từ được danh hóa khi kết hợp với từ/ ngữ thuộc vị trí 1 (các từ/ngữ có chức năng hạn định) trong cấu trúc danh ngữ. Trường hợp này không tạo thành cấu trúc danh ngữ. Vì khi tính từ không kết hợp với các từ thuộc vị trí thành tố phụ trước trong cấu trúc danh ngữ thì tính từ đó không được chuyển loại thành danh từ. Các cụm như: *vui tột cùng, đau khổ tột cùng, đau khổ trong hòa bình, vui trong chiến thắng* là các cụm tính từ. Vì thế **loại 2a** không phải là đối tượng để khảo sát.

**2b.** Tính từ được danh hóa khi kết hợp với từ thuộc vị trí 2 (các từ có ý nghĩa chỉ, trở, xác định) trong cấu trúc danh ngữ. Kiểu cấu trúc này có kết hợp hạn chế. So sánh:

có thể nói	không thể nói
<i>đau khổ kia (+)</i>	<i>đẹp ấy (-)</i>

- **Loại 3:** tính từ được danh hóa khi kết hợp với các từ thuộc hai vị trí thành tố phụ trước trở lên trong cấu trúc danh ngữ. Ví dụ: *những niềm vui, tất cả những đau khổ, một vẻ đẹp,...*

- **Loại 4:** tính từ được danh hóa khi kết hợp các từ/ ngữ thuộc hai vị trí thành tố phụ sau trong cấu trúc danh ngữ. Kiểu kết hợp này có kết hợp hạn chế. So sánh:

có thể nói	không thể nói
<i>đau khổ tột cùng ấy (+)</i>	<i>đẹp tột cùng ấy (-)</i>

- **Loại 5:** tính từ được danh hóa khi kết hợp với một từ thuộc một vị trí thành tố phụ trước và một từ/ngữ thuộc một vị trí thành tố phụ sau trong cấu trúc danh ngữ. Kiểu cấu trúc này có kết hợp như: *niềm vui của tôi, những đau khổ ấy, vẻ đẹp tột cùng kia,...*

- **Loại 6:** tính từ được danh hóa khi kết hợp với một từ thuộc một vị trí thành tố phụ trước cùng với từ/ngữ thuộc hai vị trí thành tố phụ sau và một từ/ngữ thuộc một vị trí thành tố phụ trước cùng với các từ thuộc hai vị trí của thành tố phụ trước trở lên. Kiểu cấu trúc này có kết hợp như: *niềm vui tột cùng này, những đau khổ tột cùng ấy, những vẻ đẹp của thiên nhiên,...*

- **Loại 7:** tính từ được danh hóa khi kết hợp với từ thuộc 2 vị trí thành tố phụ trước trở lên cùng với từ/ngữ thuộc 2 vị trí của thành tố phụ sau trong cấu trúc danh ngữ. Đây là dạng đầy đủ của cấu trúc danh ngữ có tính từ được danh hóa. Dạng này có thể xuất hiện tất cả vị trí thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ như: *tất cả những cái vẻ đẹp tột cùng ấy, tất cả những cái đau khổ của tôi ấy,...*

Trên nguyên tắc kết hợp, tính từ được danh hóa có khả năng kết hợp với các từ thuộc vị trí thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ ở nhiều vị trí khác nhau như đã trình bày ở mục **2.3**. Tuy nhiên, khi chúng tôi thực hiện thu thập và khảo sát 300 mẫu là những trường hợp tính từ chuyển loại sang danh từ khi tính từ tham gia vào cấu trúc danh ngữ trong các tác phẩm văn học hiện hành thì cho thấy không phải tất các trường hợp trong mục **2.3** đều xuất hiện và khả năng kết hợp giữa thành tố trung tâm là tính từ được danh hóa với các thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ là không đồng đều.

### 3. Kết quả và thảo luận

Kết quả khảo sát tính từ được danh hóa kết hợp với các từ thuộc vị trí thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ thể hiện chi tiết ở Bảng 1.

Những cấu trúc không xuất hiện khi trung tâm là tính từ được danh hóa kết hợp với các vị trí thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ.

Kết quả khảo sát cho thấy, không phải tất cả các vị trí của thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ đều có thể kết hợp với thành tố trung tâm là tính từ được danh hóa.

Ngoài **loại 1b**, **loại 2a**, như đã trình bày ở mục **2.3**, không là đối tượng để thực hiện khảo sát, trong 300 ngữ liệu đã thống kê, **loại 1c**, **loại 1d**, **loại 2b**, **loại 4**, **loại 7** không xuất hiện.

Bảng 1. Bảng thể hiện khả năng kết hợp trung tâm (tính từ được danh hóa) với vị trí các thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ

Cấu trúc danh ngữ		-4	-3		-2	-1	TT (tính từ được danh hóa)	1	2	Xuất hiện (+)/ không xuất hiện (-)
Loại 1	1a	-	-		-	+	TT	-	-	+
	1c	-	+		-	-	TT	-	-	-
	1d	+	-		-	-	TT	-	-	-
Loại 2	2b	-	-		-	-	TT	-	+	-
Loại 3		Từ thuộc hai vị trí tham gia					TT	-	-	+
Loại 4		-	-		-	-	TT	+	+	-
Loại 5		Từ thuộc một vị trí tham gia					TT	Từ/ngữ thuộc 1 vị trí tham gia		+
Loại 6		Từ thuộc một vị trí tham gia					TT	Từ/ngữ thuộc 2 vị trí tham gia		+
		Từ thuộc hai vị trí tham gia					TT	Từ/ngữ thuộc 1 vị trí tham gia		
Loại 7		Từ thuộc 2 vị trí trở lên tham gia					TT	Từ/ngữ thuộc 2 vị trí tham gia		-

Trong khảo sát của chúng tôi, những trường hợp tính từ được danh hóa không có những kết hợp sau:

**Loại 1c**

Thành tố phụ trước (-3)
(Từ chỉ số lượng)

Trung tâm
(Tính từ được danh hóa)

**Loại 1d**

Thành tố phụ trước (-4)
(Danh từ chỉ khối lượng)

Trung tâm
(Tính từ được danh hóa)

**Loại 2b**

Trung tâm
(Tính từ được danh hóa)

Thành tố phụ sau (2)
Từ với ý nghĩa chỉ trở, xác định

**Loại 4**

Trung tâm	Thành tố phụ sau (1)	Thành tố phụ sau (2)
Tính từ được danh hóa	Định ngữ có chức năng hạn định	Từ có ý nghĩa chỉ trở, xác định

**Loại 7**

Hai thành tố phụ trước trở lên	Trung tâm	Hai thành tố phụ sau
--------------------------------	-----------	----------------------

Qua đó, chúng tôi rút ra kết luận như sau:

Khi không có thành tố phụ sau, không có trường hợp tính từ được danh hóa kết hợp với các từ thuộc vị trí thành tố phụ trước là vị trí -3, vị trí -4 (**loại 1c, loại 1d**).

Khi không có thành tố phụ trước, không có trường hợp tính từ được danh hóa kết hợp với các từ/ngữ thuộc vị trí thành tố phụ sau (**loại 2b, loại 4**).

Không có trường hợp tính từ được danh hóa kết hợp với các từ thuộc 2 vị trí thành tố phụ trước trở lên và từ/ngữ thuộc 2 vị trí thuộc thành tố phụ sau (**loại 7**).

Những cấu trúc xuất hiện trong trường hợp trung tâm là tính từ được danh hóa kết hợp với các từ thuộc vị trí thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ phổ biến về khả năng kết hợp giữa vị trí trung tâm là tính từ được danh hóa với vị trí của các thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ không đồng đều.

**Loại 5** xuất hiện 117/300 lượt, chiếm 39%, chiếm tỉ lệ cao nhất theo ngữ liệu được khảo sát. Cấu trúc **loại 5** có đặc điểm như sau: tính từ được danh hóa kết hợp với một thành tố phụ trước và một thành tố phụ sau. Gồm các trường hợp sau:

**Trường hợp 1:** vị trí -1 (danh từ chỉ đơn vị) + Tính từ được danh hóa + Vị trí 1 (định ngữ có chức năng hạn định). Kết hợp này xuất hiện 98/117 lượt, chiếm 83,76%. Đây là dạng cấu trúc phổ biến.

Ví dụ 1: **sự mẫn cán của các quan lại** đổ vào đầu bọn lý dịch (Võ đê, Vũ Trọng Phụng).

Ví dụ 2: tiếng mái chèo dập dềnh khoan thai khuấy nước bì bõm hợp với những tiếng của muôn nghìn thứ côn trùng ri rả dưới cỏ lại càng làm tăng **sự tĩnh mịch của đêm trăng** (Giông tố, Vũ Trọng Phụng).

**Trường hợp 2:** vị trí -1 (danh từ chỉ đơn vị) + Tính từ được danh hóa + Vị trí 2 (từ có ý nghĩa chỉ, trở). Cấu trúc này xuất hiện 13/117 lượt, chiếm 11,11%.

Ví dụ 1: có lẽ, số phận chỉ cho tôi một lần, một lần gặp gỡ và chiêm nghiệm về **đẹp ấy** (Những thiên đường mù, Dương Thu Hương).

Ví dụ 2: **sự vui vẻ ấy** kéo dài thêm một năm. (Những thiên đường mù, Dương Thu Hương).

Ví dụ 3: trước **sự giận dữ ấy**, người phu sợ tái cả mặt. (Trúng số độc đắc, Vũ Trọng Phụng).

**Trường hợp 3:** vị trí -2 (từ chỉ số lượng) + Tính từ được danh hóa + Vị trí 1 (định ngữ có chức năng định danh). Cấu trúc này xuất hiện 6/117 lượt, chiếm 5,13%. Đây là cấu trúc xuất hiện ít nhất trong ngữ liệu khảo sát.

Ví dụ 1: Con chưa hiểu được **những oan khổ bố con đã chịu** (Những thiên đường mù, Dương Thu Hương).

Ví dụ 2: nhưng tôi thấy gương mặt mẹ, vòng nước mắt ứa long lanh, và **một nỗi buồn tiên cảm**, một trác ẩn mơ hồ trong tia nhìn lúc đó. (Những thiên đường mù, Dương Thu Hương)

**Loại 1a** xuất hiện 110/300 lượt, chiếm 36,66% ngữ liệu được khảo sát. Cấu trúc **loại 1a** có đặc điểm như sau: tính từ được danh hóa kết hợp với một thành tố phụ trước (vị trí -1), là danh từ chỉ đơn vị (*nỗi, niềm, vẻ, sự, cái, mối, cơn,...*).

Ví dụ 1: bình tĩnh và khoan hòa trên một ngọn xoan, mặt giếng soi sáng cái sân có sáu người, đem vào cho tâm hồn của sáu người **sự vui vẻ, sự minh mẫn** (Võ đê, Vũ Trọng Phụng).

Ví dụ 2: **sự túng thiếu** đưa đến bao nhiêu là lục đục (Trăng sáng, Nam Cao).

Ví dụ 3: **cái im lặng** khiến tôi dừng lại (Những thiên đường mù, Dương Thu Hương).

**Loại 6** xuất hiện 45/300 lượt, chiếm 15% ngữ liệu được khảo sát. Cấu trúc của **loại 6** có đặc điểm như sau: tính từ được danh hóa kết hợp với 2 thành tố phụ trước và 1 thành tố phụ sau. Hoặc tính từ được danh hóa kết hợp với 1 thành tố phụ trước và 2 thành tố phụ sau. Trong đó, kết hợp phổ biến là: 2 thành tố phụ trước + Tính từ được danh hóa + 1 thành tố phụ sau. Dạng kết hợp này xuất hiện 41/45 lượt, chiếm 91,11%. Trong đó, thành tố phụ trước tham gia vào cấu trúc này chủ yếu là 2 vị trí: vị trí -3 (các từ chỉ số lượng) và vị trí -1 (danh từ chỉ đơn vị).

Ví dụ 1: đó là **những sự nhỏ nhen của đời người**, ta nên cao hơn đời một chút (Giông tố, Vũ Trọng Phụng).

Ví dụ 2: sau một điều thuốc lão, óc người ta tê dại đi trong **một nỗi mê mê nhẹ nhõm** (Lão Hạc, Nam Cao).

Trường hợp còn lại là kết hợp: 1 thành tố phụ trước + Tính từ được danh hóa + 2 thành tố phụ sau, loại này xuất hiện 4/45 lượt, chiếm 8,89%.

Ví dụ: rồi vào sâu hơn nữa, với những rừng ban tím nhẹ, người ta có cảm giác mây hoàng hôn quấn tụ lại, và choàng trên núi rừng tấm khăn choàng mỏng manh, lộng lẫy, khiến trái tim con người lo âu, ngọt ngào vì e ngại **vẻ đẹp thần tiên kia** sẽ tan biến trong thời khắc (Những thiên đường mù, Dương Thu Hương).

Qua ngữ liệu thống kê, chúng tôi nhận thấy **loại 6** có kiểu cấu trúc tính từ được danh hóa kết hợp đại từ chỉ định ở phía cuối. Tuy nhiên, việc sử dụng đại từ chỉ định trong những cấu trúc danh ngữ này không giống nhau. Cụ thể như sau:

Trường hợp thứ nhất, (ví dụ 1, ví dụ 2) đại từ chỉ định “kia”, “này” là thành tố phụ bổ sung ý nghĩa cho danh từ “cường quốc” và “xứ sở”. Các đại từ chỉ định thuộc trường hợp thứ nhất làm thành tố phụ cho cấu trúc danh ngữ “các cường quốc kia”, “xứ sở này”. Vì thế, những cấu trúc kiểu ví dụ 1, ví dụ 2 được xếp vào loại có 2 thành tố phụ trước, trung tâm là tính từ được danh hóa và 1 thành tố phụ sau.

Ví dụ 1: nếu không giữ được lòng trung thành của dân tộc thuộc địa thì lấy gì mà chống lại với **những sự ham muốn của các cường quốc kia?** (Vỡ đê, Vũ Trọng Phụng).

Ví dụ 2: có lẽ giọng hát ấy đã là một trong **những niềm vui hiếm hoi ở xứ này**, giúp tôi chiến thắng nỗi buồn ly hương kể từ ngày bắt đầu cuộc đời công nhân xuất khẩu (Những thiên đường mù, Dương Thu Hương).

Trường hợp thứ hai, (ví dụ 3, ví dụ 4) những đại từ “ấy”, “kia” thuộc vị trí 2 (vị trí do các từ chỉ trỏ, xác định đảm nhận) trong cấu trúc danh ngữ, làm thành tố phụ cho danh từ trung tâm là tính từ được danh hóa. Vì thế, những cấu trúc kiểu ví dụ 3 cũng được xếp vào loại có 2 thành tố phụ trước, trung tâm là tính từ được danh hóa và 1 thành tố phụ sau, những cấu trúc kiểu ví dụ 4 được xếp vào loại có 1

thành tố phụ trước, trung tâm là tính từ được danh hóa và 2 thành tố phụ sau.

Ví dụ 3: một chuyến đò, một người tình cò ta gặp trên đường đời, một sự nhớ giờ tàu, **những điều vụn vặt ấy** chính ra là lại mà hệ trọng vô cùng, và dám chắc đó là những cái huyền bí mà tạo hóa muốn an bài cho thế nhân (Trúng số độc đắc, Vũ Trọng Phụng).

Ví dụ 4: rồi vào sâu hơn nữa, với những rừng ban tím nhẹ, người ta có cảm giác mây hoàng hôn quấn tụ lại, và choàng trên núi rừng tấm khăn choàng mỏng manh, lộng lẫy, khiến trái tim con người lo âu, ngọt ngào vì e ngại **vẻ đẹp thần tiên kia** sẽ tan biến trong thời khắc (Những thiên đường mù, Dương Thu Hương).

**Loại 3** xuất hiện 28/300 lượt, chiếm 9,33% chiếm tỉ lệ thấp nhất theo ngữ liệu được khảo sát. Cấu trúc của loại 3 có đặc điểm như sau: tính từ được danh hóa kết hợp với từ thuộc 2 vị trí thành tố phụ trước. Các từ thuộc vị trí thành tố phụ trước chủ yếu là các từ chỉ số lượng và danh từ chỉ đơn vị.

Ví dụ 1: mắt cô nhìn đầu đó, chứng tỏ cô không thèm nghe lời tôi nói, như đó chỉ là **những điều nhảm nhí** (Những thiên đường mù, Dương Thu Hương).

Ví dụ 2: tôi đã trông thấy rõ những cử chỉ của phái tư bản mà ông cụ nghị làm tiêu biểu, đã nghe thấy những phút chuông điện thoại gọi, do đó số phận hàng nghìn người bị định đoạt qua **một cơn giận dữ** (Giông tố, Vũ Trọng Phụng).

Kết quả khảo sát cho thấy, khi tính từ giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc danh ngữ, trong trường hợp này, tính từ có tư cách như một danh từ. Xét về khả năng kết hợp thì tính từ được danh hóa, giống như một danh từ, hoàn toàn có thể kết hợp với tất cả các vị trí thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ. Tuy nhiên, dựa trên ngữ liệu mà chúng tôi đã thực hiện thống kê, không phải tất cả các vị trí của thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ đều có thể kết hợp với thành tố trung tâm là tính từ được danh hóa và khả năng kết hợp giữa thành tố trung tâm là tính từ được danh hóa với các từ/ngữ với tư cách là thành tố phụ trong cấu trúc danh ngữ không đồng đều. Điều này thể hiện sự phổ biến hoặc hạn chế của các từ thuộc vị trí thành tố phụ khi



kết hợp với trung tâm là tính từ được danh hóa trong cấu trúc danh ngữ.

#### 4. Kết luận

Hiện tượng chuyển loại từ xem xét trong cấu trúc ngữ đoạn hoặc trong ngữ cảnh thể hiện rõ sự linh hoạt, phong phú, đa dạng cũng như đặc điểm loại hình ngôn ngữ đơn lập trong từ loại tiếng Việt. Nghiên cứu hiện tượng chuyển loại cũng như từ loại tiếng Việt có vai trò quan trọng đối với việc giảng dạy tiếng Việt ở các bậc học. Kết quả nghiên cứu có thể giúp người học vận dụng, thực hành nhận diện các nhóm từ loại cụ thể; là cơ sở giúp người dạy, thiết kế, xây dựng dạng bài tập phù hợp với đặc điểm của từng nhóm từ loại, cũng như đặc điểm của tiếng Việt.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] N. T. Giap, A Brief History of Vietnamese Linguistics, Vol. 1, 2008, pp. 215-224 (in Vietnamese).
- [2] D. T. Lan, Vietnamese Grammar, 2019, pp. 88 (in Vietnamese).
- [3] H. Phe, Vietnamese Dictionary, 2012, pp. 938 (in Vietnamese).
- [4] N. T. Can, Vietnamese Grammar, 1998, pp. 213 (in Vietnamese).
- [5] N. V. Thanh, Modern Vietnamese (Morphology), 2003, pp. 14 (in Vietnamese).
- [6] N. T. Giap, Introduction to Linguistics, 2006, pp. 241 (in Vietnamese).
- [7] V. D. Nghieu, Introduction to Linguistics, 2010, pp. 309 (in Vietnamese).
- [8] H. V. Hanh, Words in Vietnamese, 1998, pp. 211 (in Vietnamese).
- [9] D. V. Duc, Vietnamese Grammar, 2001, pp. 78-96 (in Vietnamese).